

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang tại Công văn số 608/BVPS-KSNK ngày 05/6/2024; Công văn số 1207/BVPS-KSNK ngày 05/9/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5029/TTr-STNMT ngày 30 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, địa chỉ: số 4A, đường Hùng Vương, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường cơ sở Bệnh viện phụ sản Tiền Giang, địa chỉ: số 4A, đường Hùng Vương, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

- Tên cơ sở: Bệnh viện phụ sản Tiền Giang.
- Địa điểm hoạt động: số 4A, đường Hùng Vương, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- Quyết định phê duyệt của cơ sở:
 - Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 01/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.
 - Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.

d) Mã số thuế: 1200530091.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám chữa bệnh.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô đầu tư xây dựng (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): cơ sở thuộc nhóm B và có tổng mức đầu tư 128.719.978.000 đồng.

- Tổng diện tích: 13.395 m².

- Công suất: 200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

e) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép môi trường.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *Đm*

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Y tế;
- UBND thành phố Mỹ Tho;
- Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP,
Các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

4 *B*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Mac*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 201 /GPMT-UBND
ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại Bệnh viện, người bệnh nội trú và khám ngoại trú; nước thải căn tin.

- Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động y tế: Phòng xét nghiệm, phòng khám chữa bệnh và rửa dụng cụ y tế, nhà giặt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước công cộng.

b) Vị trí xả nước thải: cống thoát nước công cộng của thành phố Mỹ Tho trên đường Hùng Vương, thuộc địa bàn phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tọa độ vị trí xả thải: X(m)= 1145086; Y(m)= 567126 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰)

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 180 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24h.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, C_{max}=C_xK (K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, C _{max} =C _x K (K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	
3	COD	mg/l	60	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, $C_{max}=C \times K$ (K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6,0	ngày 10/01/2022 của Chính phủ
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	36	
8	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	7,2	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2	
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/10ml	KPH	
15	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/10ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: nguồn phát sinh nước thải (nước thải y tế, nước thải sinh hoạt) → hệ thống thu gom nước thải → hệ thống xử lý nước thải, công suất 180 m³/ngày đêm → cống thoát nước công cộng của thành phố Mỹ Tho trên đường Hùng Vương, thuộc địa bàn phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải y tế → hệ thống thu gom → hệ thống xử lý nước thải tập trung.
 + Nước thải sinh hoạt → đường ống thu gom → bể tự hoại 03 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải từ căn tin → đường ống thu gom → bể tách mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Nước thải nhà giặt → hệ thống thu gom → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung: nước thải từ các nguồn phát sinh → hố thu gom → bể điều hòa → cụm bể BIO BLOK → bể phản ứng → thiết bị lọc băng tải (máy tách, máy ép bùn) → khử trùng → cống công cộng (nguồn tiếp nhận).

- Công suất thiết kế: 180 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch Clorine.

c) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, đơn vị quản lý tập trung mọi nguồn lực tiến hành khắc phục sự cố, liên hệ với đơn vị chức năng về môi trường để có biện pháp hỗ trợ xử lý kịp thời và cam kết không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn cho phép ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 201 /GPMT-UBND
ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh, chất thải phải kiểm soát thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã Chất thải	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải nguy hại lây nhiễm			21.000
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, không sắc nhọn, chất thải giải phẫu)	Rắn	13 01 01	21.000
II	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			1.385
1	Hóa chất thải bỏ	Lỏng	13 01 03	1.300
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	80
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
III	Chất thải phải kiểm soát			90
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	40
2	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	Bùn	12 06 05	50
Tổng khối lượng (kg/năm)				22.475

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn y tế thông thường: khoảng 200 kg/tháng.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 109 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế thông thường, chất thải nguy hại

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: bỏ vào trong thùng hoặc hộp kháng trùng và có màu vàng.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải giải phẫu: bỏ vào trong 02 lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải nguy hại lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn: đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu đen.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa.

- Việc lưu giữ chất thải y tế phải đảm bảo theo Điều 8 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: bố trí 01 kho lưu chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm và lưu chứa chất thải y tế nguy hại lây nhiễm.

+ Kho lưu chứa chất thải nguy hại: diện tích 20 m²

+ Kho lưu chứa chất thải y tế lây nhiễm: diện tích 16 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: vách làm bằng bê tông, nền xi măng, mái tole; bên ngoài có biển cảnh báo nguy hại.

Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa và thời gian lưu giữ chất thải nguy hại thực hiện theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải y tế thông thường không tái chế: Đựng trong túi nilon màu xanh, đặt trong thùng rác có nắp đậy.

+ Chất thải y tế thông thường tái chế: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu trắng, đặt trong thùng rác có nắp đậy.

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: diện tích 16 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: vách làm bằng bê tông, nền xi măng, mái tole; bên ngoài có bảng hiệu “Khu lưu giữ chất thải rắn thông thường”.

Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải y tế thông thường theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác có nắp đậy loại 50 lít hoặc 120 lít tại các phòng, khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.
- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: diện tích 16 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: nền xi măng; bên ngoài có bảng hiệu “Khu lưu giữ chất thải rắn thông thường”.

Khu vực lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 3
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 201 /GPMT-UBND
ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
3. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
4. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, .../.